

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2020/DS-ST
Ngày: 11/6/2020
“V/v Tranh chấp về hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lẹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Thanh Hùng.
2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Khánh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 11 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 619/2020/TLST-DS ngày 06/12/2019 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2020/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2020 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 44/2020/QĐST-DS ngày 28/5/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim X, sinh năm 1968; HKTT: ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; tạm trú: ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện hợp pháp là anh Nguyễn Thanh L, sinh năm 1993; địa chỉ: Khóm B, TT L, huyện L, Đồng Tháp là người đại diện ủy quyền theo Văn bản ủy quyền ngày 12/12/2019; Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Lê Đức T, sinh năm 1969; HKTT: ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Anh Nguyễn Thanh L là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Lê Thị Kim X trình bày: Vào ngày 03/02/2015, ông Lê Đức T có vay của bà X số tiền 20.000.000 đồng, đến ngày 21/02/2005, ông T vay thêm 3.000.000 đồng, ông T có viết và ký biên nhận nợ.

Sau đó ông T vay thêm nhiều lần với số tiền 4.440.000 đồng, do số lần vay sau số tiền nhỏ nên ông T chỉ viết chứ không có ký tên.

Tổng cộng ông T vay số tiền là 27.440.000 đồng.

Việc vay không lãi suất, không xác định thời hạn, khi nào cần bà X yêu cầu ông T trả lại, nhưng khi bà X yêu cầu thì ông T không trả.

Do hoàn cảnh Lê Đức T gặp nhiều khó khăn nên bà X có cho ông T mượn 01 chiếc xe biển số 66H8 2377, do bà X đứng tên, giá trị chiếc xe là 12.000.000 đồng. Tuy nhiên, hiện nay xe này bà X đã nhận lại và đang quản lý.

Tại phiên tòa, bà X cho rằng số tiền 1.060.000 đồng trong biên nhận mượn thêm là tiền lãi do ông T mượn số tiết kiệm của bà X để đi vay tiền của Quỹ tín dụng nhân dân xã Đ nhưng bà X không có chứng cứ chứng minh vì người đứng tên trong hợp đồng vay là bà X, nên bà X rút yêu cầu đối với số tiền này.

Nay bà X yêu cầu ông T trả số tiền vốn vay là 27.440.000 đồng, không yêu cầu lãi.

Đối với giá trị chiếc xe biển số 66H8 2377 bà X không yêu cầu.

Bị đơn Lê Đức T trình bày: Ngày 03/02/2005, ông T có mượn của bà X 20.000.000 đồng, ngày 21/02/2005 ông T có mượn thêm là 3.000.000 đồng. Tổng cộng là 23.000.000 đồng, không lãi xuất, khi nào bà X cần thì ông T trả lại. Sau đó, ông T có trả 7.000.000 đồng cho bà X, việc trả không làm biên nhận không có ai chứng kiến.

Nay ông T đồng ý trả cho bà X số tiền còn lại là 15.000.000 đồng.

Đối với số tiền 4.440.000 đồng mà bà X cho rằng ông T vay thêm nhiều lần thì ông T không đồng ý vì ông Thanh không có viết vào biên nhận và không có ký tên, nhưng ông T không yêu cầu Tòa án trung cầu giám định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị Kim X khởi kiện yêu cầu ông Lê Đức T trả số tiền vốn vay nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện được quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Lê Đức T có địa chỉ cư trú tại huyện L, tỉnh Đồng Tháp nên Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Lê Thị Kim X thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với chiếc xe trị giá 12.000.000 đồng và số tiền 1.060.000 đồng, nay bà X không yêu cầu, việc thay đổi yêu cầu này là tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà X thì bà X cung cấp cho Tòa án Biên nhận nợ ngày 03/02/2005 trong biên nhận có ghi rõ số tiền ông T nhận của bà Xuyến là 20.000.000 đồng và Biên nhận ngày 21/02/2005, trong biên nhận ghi rõ số tiền 3.000.000 đồng, cả hai biên nhận đều có chữ ký của ông T.

Tại phiên hòa giải của Tòa án, ông T cũng thừa nhận có vay của bà X số tiền 23.000.000 đồng, sau đó có trả được 7.000.000 đồng nhưng ông T không có chứng cứ chứng minh là ông T có trả 7.000.000 đồng cho bà X.

Đối với số tiền ông T mượn thêm tổng cộng 4.440.000 đồng, không có chữ ký của ông T, nhưng bà X cho rằng ông T viết. Tòa án đã yêu cầu ông T làm đơn yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ viết của ông T nhưng ông T không thực hiện. Do đó chứng cứ mà bà X đưa ra là có thật và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim X là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Ông Lê Đức T bị buộc thực hiện nghĩa vụ nên phải chịu án phí sơ thẩm dân sự theo quy định pháp luật. Bà Lê Thị Kim X không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, 34, 35, 39, 91, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim X.

Buộc ông Lê Đức T trả cho bà Lê Thị Kim X số tiền vốn vay 27.440.000 đồng (Hai mươi bảy triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).

Về án phí: Ông Lê Đức T phải nộp 1.372.000 đồng (Một triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm dân sự.

Bà Lê Thị Kim X được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.012.500 đồng (Một triệu không trăm mười hai nghìn, năm trăm đồng) theo Biên lai số BH/2018/0008991 ngày 06/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Các đương sự có mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND H.Lấp Vò;
- CC THA-DS H.Lấp Vò;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Văn Lẹ